Mẫu số 01

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☑; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☑; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Điện tử; Chuyên ngành: Kỹ thuật thông tin

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Trần Quang Vinh

2. Ngày tháng năm sinh: 23/03/1976; Nam ☑; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☑

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Phòng 206 - K8, tập thể Bách Khoa, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Phòng 1705-N03, chung cư 25 Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0912636939;

E-mail: vinh.tranquang1@hust.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 2000 đến năm 2006: Chuyên viên tại Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội

Từ năm 2006 đến năm 2009: Nghiên cứu sinh tại Học viện Công nghệ Shibaura, Nhật Bản

Từ năm 2009 đến năm 2011: Nghiên cứu sinh sau tiến sĩ tại Học viện Công nghệ Shibaura, Nhật Bản

Chức vụ: Hiện nay: Giảng viên; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó CT Công đoàn Viện

Cơ quan công tác hiện nay: Viện Điện tử - Viễn thông, Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: Phòng 405-C9, Số 1 Đại Cồ Việt, thành phố Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 043 869 2242

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): không có

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 16 tháng 06 năm 2000, ngành: Điện tử, chuyên ngành: Điện tử - Viễn thông

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội

- Được cấp bằng ThS ngày 28 tháng 2 năm 2005, ngành: Điện tử, chuyên ngành: Điện tử - Viễn thông

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội

- Được cấp bằng TS ngày 30 tháng 9 năm 2009, ngành: Kỹ thuật, chuyên ngành: Hệ thống điều khiển chức năng (functional control system)

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Học viện Công nghệ Shibaura, Nhật Bản

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Bách khoa Hà Nội (Hội đồng I: Điện, Điện tử)

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Điện-Điện tử-Tự động hóa

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- **Mạng cảm biến không dây:** Nghiên cứu các giao thức định tuyến thích nghi và định tuyến tích kiện năng lượng, định tuyến đa chặng và định tuyến trong các điều kiện thách thức; Nghiên cứu các thuật toán tracking đa mục tiêu.
- **Phát triển các ứng dụng IoT:** Nghiên cứu phát triển các hệ thống mạng cảm biến không dây ứng dụng trong quan trắc - giám sát môi trường; nghiên cứu phát triển các giao thức truyền thông vô tuyến phù hợp với các ứng dụng IoT; thiết kế phát triển các thiết bị kết nối vô tuyến đa nền tảng; phát triển phần mềm ứng dụng IoT.
- **Phát triển các ứng dụng di động thông minh:** Nghiên cứu phát triển các thuật toán định vị dựa trên cảm biến; các thuật toán định vị trong điều kiện thách thức; các ứng dụng thông minh trên smartphone.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 10 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai);
- Đã hoàn thành 2 đề tài NCKH cấp Nhà nước; 1 đề tài NCKH cấp Bộ; 1 đề tài NCKH cấp Cơ sở;
- Đã công bố (số lượng) 38 bài báo KH, trong đó 38 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 2 bằng sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 1, trong đó 1 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng 0 tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng

1	Danh hiện Chiến sỹ Thi đua cấp cơ sở	Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội	2005
2	Bằng khen cấp Bộ	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2006
3	Danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở	Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội	2014
4	Bằng khen cấp Bộ	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2015
5	Danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở	Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội	2016
6	Danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở	Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội	2017
7	Danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp Bộ	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2017
8	Danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở	Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội	2019
9	Bài báo xuất sắc của IEEE tại hội nghị ICCE 2008	IEEE Vietnam Section	2008
10	Bài báo xuất sắc của ICM tại hội nghị IEICE 2011	ICM Committee	2011

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá):

- Về phẩm chất chính trị: Tôi luôn có ý thức học tập lý luận, nâng cao giác ngộ và hiểu biết về Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm nắm vững và nghiêm túc thực hiện các chủ trương đường lối của Đảng, của Nhà nước và các quy định, quy chế của Nhà trường và đơn vị.

- Về đạo đức, lối sống: Tôi luôn sống và làm việc gương mẫu, hòa đồng với đồng nghiệp, thân thiện với sinh viên.
- Về năng lực chuyên môn, nghề nghiệp: Bản thân tôi luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao như trong công tác chuyên môn, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và hướng dẫn sinh viên làm nghiên cứu khoa học, tổ chức thực hiện và trực tiếp triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học; Luôn có ý thức trách nhiệm, tinh thần sáng tạo trong lao động, học tập, công tác và đạt được kết quả tốt trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao: có nhiều bài báo được đăng trong các kỷ yếu hội nghị quốc tế; tôi cũng tích cực tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng chuyên môn trong và ngoài nước như tham gia phản biện nhiều tạp chí, hội nghị khoa học trong nước và quốc tế (IEICE Transactions on Communications, Journal of Communications and Networks JCN, Elsevier Computer Networks) và các Hội nghị (IEEE Sarnoff Symposium, IEEE Globecom 2011, ICCE 2010, ICCE 2012, ICCE 2014, ICCE 2016, ICCE 2018, SoftCOM2011, SoftCOM2012, SoftCOM2013, ATC 2013, ATC 2014, ATC 2015, ATC 2016, ATC 2017, ATC 2018), biên tập viên của tạp chí KIIS Transactions on Internet and Information Systems từ năm 2015 đến nay.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên *:

- Tổng số 8 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

(Căn cứ chế độ làm việc đối với giảng viên theo quy định hiện hành)

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/Số giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	**Phụ**			**ĐH**	**SĐH**	
1	2014-2015		1	4	10	180	60	240/739/280
2	2015-2016		1		9	180	30	210/449,5/243
3	2016-2017			1	8	135	30	165/401/243
3 năm học cuối								
4	2017-2018			2	7	225	30	255/568/243
5	2018-2019			3	10	120	20	140/510,6/280

6	2019-2020			1	10	120	60	180/460,6/280

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☑:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☑ hoặc TSKH ☐; Tại nước: Nhật Bản năm 2009

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): TOEFL

4. Hướng dẫn NCS, học viên CH, BSCK, BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Vũ Ngọc Thái		X	X		03/2012 đến 09/2013	Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội	28/1/2013

2	Phạm Văn Kiện		X	X		03/2012 đến 09/2013	Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội	28/1/2013
3	Đỗ Văn Thành		X	X		08/2013 đến 10/2014	Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội	5/8/2014
4	Đào Minh Sang		X	X		08/2013 đến 10/2014	Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội	10/8/2015
5	Khương Văn Thắng		X	X		08/2013 đến 10/2014	Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội	10/8/2015
6	Nguyễn Sỹ Thái		X	X		08/2013 đến 10/2014	Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội	10/8/2015

7	Dương Khôi Nguyên		X	X		04/2014 đến 10/2015	Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội	10/11/2015
8	Phùng Mạnh Nghĩa		X	X		04/2014 đến 10/2015	Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội	6/1/2016
9	Phan Duy Chinh		X	X		10/2015 đến 10/2016	Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội	27/12/2016
10	Lương Hồng Quý		X	X		07/2017 đến 10/2018	Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội	9/7/2019

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai số lượng NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ							

1	Giáo trình Thông tin di động	GT	Nhà xuất bản Bách Khoa Hà Nội, năm 2020	3	VC	(Chương 4 (Tr.84-Tr.93); Chương 6 (Tr.134-Tr.227); Chương 7 (Tr.232-Tr.267)	Giấy xác nhận cuốn sách được sử dụng làm giáo trình trong giảng dạy và học tập đối với học phần "Thông tin di động", mã học phần ET4330 thuộc CT đào đạo trình độ đại học ngành Điện tử - Viễn thông của Trường ĐH Bách Khoa Hà Nội, ngày 25/6/2020

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS: 1

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;
- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang…. đến trang…… (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					

1	Hệ thống phát hiện và theo dõi đa mục tiêu thời gian thực sử dụng mạng cảm biến không dây	CN	102.04-2012.06 (Nafosted), cấp Nhà nước	1/2/2013 đến 1/2/2015	Nghiệm thu: 28/8/2018; Kết quả: Đạt
2	Nghiên cứu và phát triển hệ thống giám sát từ xa các nguồn phóng xạ theo thời gian thực	CN	ĐTĐLCN.01/14, cấp Nhà nước	9/10/2014 đến 30/10/2016	Nghiệm thu: 31/12/2016; Kết quả: Đạt
3	Nghiên cứu và triển khai hệ thống phần mềm, cơ sở dữ liệu và website tương tác phục vụ hướng dẫn du lịch thông minh tại tỉnh Tuyên Quang	CN	15/2017/HĐ-KHCN-ĐT, cấp Bộ	1/5/2017 đến 30/10/2018	Nghiệm thu: 31/12/2018; Kết quả: Đạt
4	Nghiên cứu và triển khai hệ thống bám mục tiêu sử dụng cảm biến tích hợp trên điện thoại thông minh	CN	T2012.CT-20, 2012, cấp Cơ sở	12/5/2012 đến 15/12/2012	Nghiệm thu: 21/12/2012; Kết quả: Tốt

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	Adaptive Routing Protocol with Energy Efficiency and Event Clustering for Wireless Sensor Networks	2	Có	IEICE Transactions on Communications, ISSN: 0916-8516	Tạp chí quốc tế uy tín (Q3) IF=1.36 (2008) IF=1.090 (2017) - ISI ***IF: 1.36***	76	Vol. E91-B , No. 9, 2795-2805	2008
2	A Novel Gossip-based Sensing Coverage Algorithm for Dense Wireless Sensor Networks	2	Có	Computer Networks, ISSN: 1389-1286	Tạp chí quốc tế uy tín (Q1) - ISI ***IF: 3.18***	26	Vol. 53 , Issue 13, 2275-2287	2009
3	ARPEES: Adaptive Routing Protocol with Energy-Efficiency and Event-Clustering for Wireless Sensor Networks	2	Có	4th International Conference on Ubiquitous Robots and Ambient Intelligence (URAI 2007), Pohang, Korea, ISSN: 0000-2007	Kỷ yếu hội nghị, có phản biện	2	, 95-100	2007
4	An Algorithm for Sensing Coverage Problem in Wireless Sensor Networks	2	Có	2008 IEEE Sarnoff Symposium, Princeton, New Jersey, USA (ISBN: 978-1-4244-1843-5)	Kỷ yếu có trong danh mục Web of Science/Scopus - Scopus	19	Paper No. S3.5 ,	2008

5	Energy Balance on Adaptive Routing Protocol Considering the Sensing Coverage Problem for Wireless Sensor Networks	2	Có	2nd International Conference on Communications and Electronics (HUT-ICCE 2008), Hoi An, Vietnam (ISBN: 978-1-4244-2425-2)	Kỷ yếu có trong danh mục Web of Science/Scopus (IEEE Student Best Paper Award)	6	, 86-91	2008
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
6	Low-Complexity and Energy-Efficient Algorithms on Image Compression for Wireless Sensor Networks	3	Không	IEICE Transactions on Communications (ISSN: 0916-8516)	Tạp chí quốc tế uy tín (Q3) - ISI ***IF: 0.55***	13	Vol. E93-B , No.12, 3438-3447	2010
7	A Transmission Range Optimization Algorithm to Avoid Energy Holes in Wireless Sensor Networks	3	Có	IEICE Transactions on Communications (ISSN: 0916-8516)	Tạp chí quốc tế uy tín (Q3) - ISI ***IF: 0.56***	9	Vol. E94-B , No. 11, 3026-3036	2011
8	Video Compression Schemes Using Edge Feature on Wireless Video Sensor Networks	3	Không	Journal of Electrical and Computer Engineering, Hindawi (ISSN: 2090-0147)	Tạp chí quốc tế uy tín (Q3) - ISI ***IF: 1.03***	8	Vol.2012 , 1-20	2012

9	A low-latency communication protocol for target tracking in wireless sensor networks	3	Không	EURASIP Journal on Wireless Communications and Networking (ISSN: 1687-1499)	Tạp chí quốc tế uy tín (Q2) - ISI ***IF: 1.59***	9	Vol. 2016 , No. 33, 1-15	2016
10	A Lateration-localizing Algorithm for Energy-efficient Target Tracking in Wireless Sensor Networks	3	Có	Ad Hoc & Sensor Wireless Networks (ISSN: 1551-9899)	Tạp chí quốc tế uy tín (Q2) - ISI ***IF: 0.95***	15	Vol.34 , No. 1, 191-220	2017
11	A proposed method to improve quality of image using Panorama technology for WSNs	3	Không	British Journal of Mathematics & Computer Science (ISSN: 2456-9968)	Tạp chí - Hệ thống CSDL quốc tế khác ***IF: 1.103***		Vol. 9 , No. 1, 40-61	2015
12	Một phương pháp hiệu quả năng lượng và giảm độ trễ trong thu thập dữ liệu của mạng cảm biến không dây	3	Không	Tạp chí Khoa học và Công nghệ các trường Đại học kỹ thuật (ISSN: 0868-3980)	Tạp chí		No. 102, 27-31	2014
13	An energy-efficient MAC Protocol for Real-time Target Tracking System Using Wireless Sensor Network	2	Không	Journal on Information Technologies & Communications (ISSN: 0866-7093)	Tạp chí		Vol. E-3 , No. 7(11), 21-31	2014

14	An Indoor Positioning System based on Smart-phone Sensors for Smart-Tour Applications	3	Có	Journal of Science & Technology (ISSN: 0868-3980)	Tạp chí		No 107, 118-122	2015
15	Xây dựng giải pháp công nghệ thông tin phát triển và tối ưu hoá cơ sở dữ liệu sáng chế	4	Không	Tạp chí khoa học và công nghệ - Đại học Đà Nẵng (ISSN: 1859-1531)	Tạp chí		Quyển 2 , Số 11 (120), 123-127	2018
16	A Sensor-based Indoor Positioning Algorithm for Smart-Tour Applications	2	Có	Journal of Science & Technology (ISSN: 0868-3980)	Tạp chí		No. 128, 014-019	2018
17	Giải mã sáng chế về mạng cảm biến không dây ứng dụng IoT trong nuôi tôm nước lợ ở Việt Nam	5	Không	Tạp chí khoa học và công nghệ (Đại học Đà Nẵng) (ISSN: 1859-1531)	Tạp chí		Số 11 (132), 54-5	2018
18	LoRa Communications in Wireless Sensor Network for Radioactive Sources Monitoring System	5	Có	Journal of Science & Technology (ISSN: 0868-3980)	Tạp chí		Số 136, 60-65	2019
19	Service Platform for Integration of various M2M/IoT system	3	Có	Journal of Science & Technology (ISSN: 0868-3980)	Tạp chí		Số 144 (2020), 17-21	2020

20	Ứng dụng công nghệ tiên tiến trong quan trắc và dự báo môi trường nuôi tôm hùm tại Phú Yên	1	Có	Tạp chí KHCN các trường ĐHKT (ISSN: 0868-3980)	Tạp chí		Số 146 (2020),	2020
21	A Transmission Range Adjustment Algorithm to Avoid Energy Holes in Wireless Sensor Networks	2	Có	8th Asia-Pacific Symposium on Information and Telecommunication Technologies (APSITT 2010), Kuching, Malaysia (ISBN: 978-1-4244-6413-5)	Kỷ yếu có trong danh mục Web of Science/Scopus	24	Paper No. A-5-4, 413-418	2010
22	Image Compression Algorithm Considering Energy Balance on Wireless Sensor Networks	3	Không	8th IEEE International Conference on Industrial Informatics (INDIN 2010), Osaka, Japan (ISBN: 978-1-4244-7298-7; ISSN: 1935-4576)	Kỷ yếu có trong danh mục Web of Science/Scopus	12	, 1005-1010	2010
23	Adaptive Transmission Range Assignment Algorithm for In-routing Image Compression on Wireless Sensor Networks	3	Có	3rd International Conference on Communications and Electronics (ICCE 2010) (ISBN: 978-1-4244-7055-6)	Kỷ yếu có trong danh mục Web of Science/Scopus	10	, 18-23	2010

24	Energy Threshold Adaptation Algorithms on Image Compression to Prolong WSN Lifetime	3	Không	7th International Symposium on Wireless Communication Systems (ISWCS 2010), York, UK ("ISBN: 978-1-4244-6315-2 ISSN: 2154-0217")	Kỷ yếu có trong danh mục Web of Science/Scopus	4	, 834-838	2010
25	Efficient Motion Estimation Algorithm Using Edge Feature and Arithmetic Coding for Video Compression on WVSNs	3	Không	19th International Conference on Software, Telecommunications and Computer Networks (SoftCOM2011), Hvar, Croatia (ISBN: 978-1-4577-1439-9)	Kỷ yếu có trong danh mục Web of Science/Scopus (The Best Conference Paper Award)		, 178-183	2011
26	A Collaborative Target Tracking Algorithm Considering Energy Constraint in WSNs	3	Có	19th International Conference on Software, Telecommunications and Computer Networks (SoftCOM2011), Hvar, Croatia (ISBN: 978-1-4577-1439-9)	Kỷ yếu có trong danh mục Web of Science/Scopus	12	, 167-172	2011

27	Low-Complexity Motion Estination Algorithm Using Edge Feature for Video Compression on Wireless Video Sensor Networks (The Best Student Grant Award)	3	Không	13th Asia-Pacific Network Operations and Management Symposium (APNOMS2011), Taipei, Taiwan (ISBN: 978-1-4577-1668-3)	Kỷ yếu có trong danh mục Web of Science/Scopus		TS9-1, 247-254	2011
28	Multi-hop Reed-Solomon Encoding Scheme for Image Transmission on Wireless Sensor Networks	3	Không	4th International Conference on Communications and Electronics (ICCE2012), Hue, Vietnam (ISBN: 978-1-4673-2492-2)	Kỷ yếu có trong danh mục Web of Science/Scopus	13	, 74-79	2012
29	Distributed Image Encoding Scheme Using LDPC Codes over GF(q) on Wireless Sensor Networks	3	Không	4th International Conference on Intelligent Networking and Collaborative Systems (INCoS2012), Bucharest, Romania (ISBN: 978-1-4673-2279-9)	Kỷ yếu có trong danh mục Web of Science/Scopus	3	, 198-205	2012
30	Improving energy efficiency for ARPEES routing protocol in wireless sensor networks	3	Không	International Conference on Advanced Technologies for Communications (ATC2012) (ISBN: 978-1-4673-4351-0 ISSN: 2162-1020)	Kỷ yếu có trong danh mục Web of Science/Scopus	4	, 73-77	2012

31	Target Tracking System Using Lateration Estimation Method in Wireless Sensor Networks	3	Có	The Fifth International Conference on Ubiquitous and Future Networks (ICUFN 2013) (ISBN: 978-1-4673-5990-0 ISSN: 2165-8528)	Kỷ yếu có trong danh mục Web of Science/Scopus	4	, 264-269	2013
32	Extended Kalman Filter for Target Tracking in Wireless Sensor Networks	3	Có	2013 AUN/SEED-Net Regional Conference in Electrical and Electronics Engineering (RC-EEE2013), Bangkok, Thailand (ISBN: 978-616-551-620-4)	Kỷ yếu hội nghị, có phản biện		T2-4, 129-132	2013
33	Smartphone-based Pedestrian Dead Reckoning and Orientation as an Indoor Positioning System	4	Có	International Conference on Advanced Technologies for Communications (ATC2014) (ISBN: 978-1-4799-6955-5 ISSN: 2162-1020)	Kỷ yếu có trong danh mục Web of Science/Scopus	13	, 95-100	2014
34	A Particle Cloud Propagation Algorithm for Target Tracking in Wireless Sensor Network	5	Có	International Conference on Advanced Technologies for Communications (ATC2014) (ISBN: 978-1-4799-6955-5 ISSN: 2162-1020)	Kỷ yếu có trong danh mục Web of Science/Scopus		, 572-575	2014

35	A Low Duty-Cycle MAC Protocol for Target Tracking in Wireless Sensor Networks	3	Có	the 2014 IEEE Fifth International Conference on Communications and Electronics (ICCE2014) (ISBN: 978-1-4799-5049-2)	Kỷ yếu có trong danh mục Web of Science/Scopus	11	, 238-243	2014
36	A New Technique to Enhance Accuracy of WLAN Fingerprinting Based Indoor Positioning System	6	Có	the 2014 IEEE Fifth International Conference on Communications and Electronics (ICCE2014) (ISBN: 978-1-4799-5049-2)	Kỷ yếu có trong danh mục Web of Science/Scopus	4	, 270-275	2014
37	An Efficient Method for Gathering Data Considering Energy and Delay Time on WSNs	2	Không	the 2014 IEEE Fifth International Conference on Communications and Electronics (ICCE2014) (ISBN: 978-1-4799-5049-2)	Kỷ yếu có trong danh mục Web of Science/Scopus		, 220-225	2014
38	Extending RS Encoding Scheme for ImageTransmission Using Multi-Source Nodes on WSNs	2	Không	The 2016 IEEE Sixth International Conference on Communications and Electronics (ISBN: 978-604-93-8917-7)	Kỷ yếu có trong danh mục Web of Science/Scopus		, 509-514	2016

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 16

*Lưu ý:*Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS. 7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Bằng độc quyền sáng chế: Phương pháp và hệ thống giám sát, quản lý nguồn phóng xạ," Số QĐ: 74434/QĐ-SHTT, ngày 22/10/2018, Số đơn: 1-2016-02814, Số bằng: 20097, Số điểm yêu cầu bảo hộ: 07; Số trang mô tả: 15	Cục Sở hữu trí tuệ	22/10/2018	Có	8
2	Bằng độc quyền sáng chế: Phương pháp xác định vị trí người dùng và phương pháp tự động hướng dẫn du lịch sử dụng phương pháp xác định vị trí người dùng này," Số QĐ: 8025w/QĐ-SHTT, ngày: 23/06/2020, Số đơn: 1-2019-02439, Số bằng: 24766, Số điểm yêu cầu bảo hộ: 4; Số trang mô tả: 23	Cục Sở hữu trí tuệ	23/06/2020	Có	1

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 1 2

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
Không có				

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ	Vai trò	Cơ sở giáo dục đại học
Không có			

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (ƯV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (ƯV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (ƯV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (ƯV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc ƯV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc ƯV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP. Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2020

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)